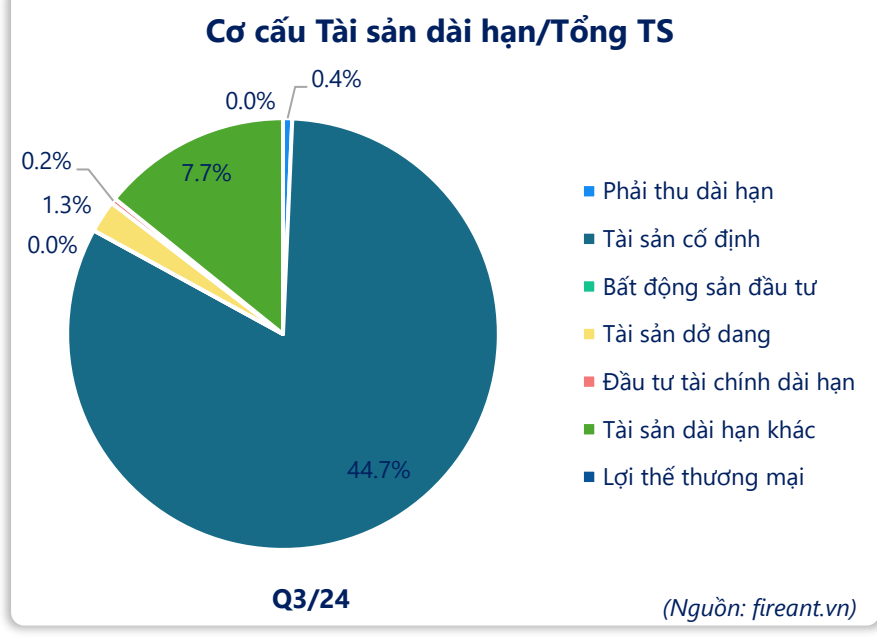
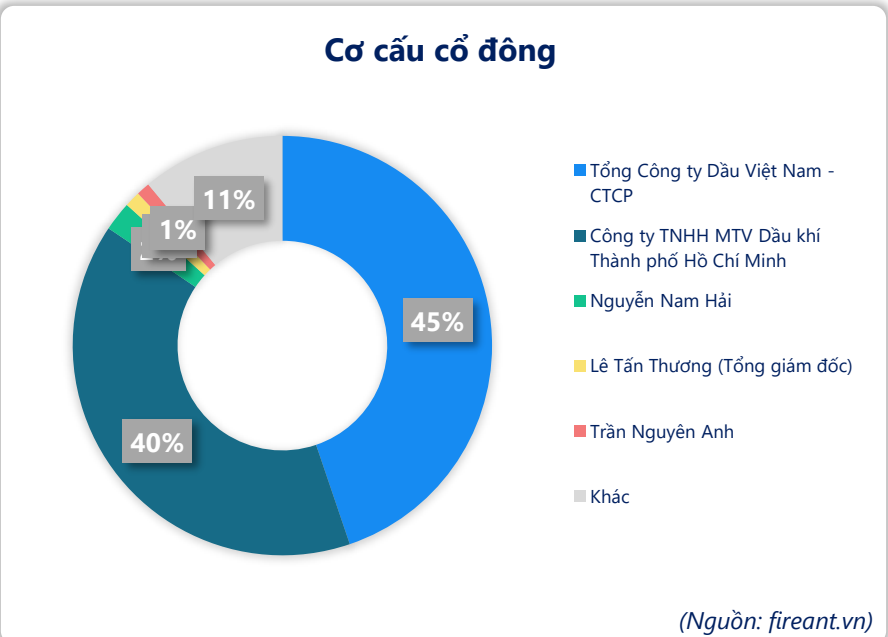
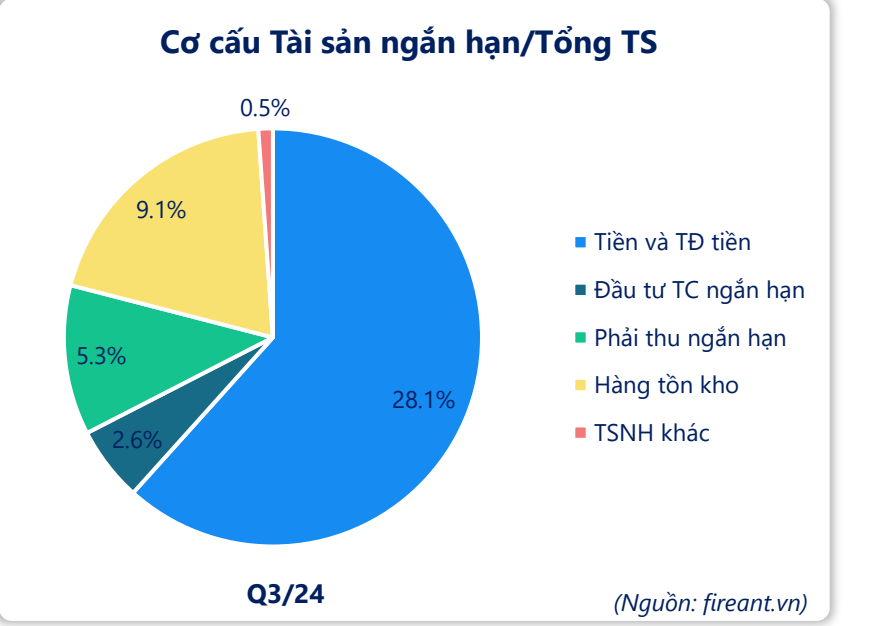
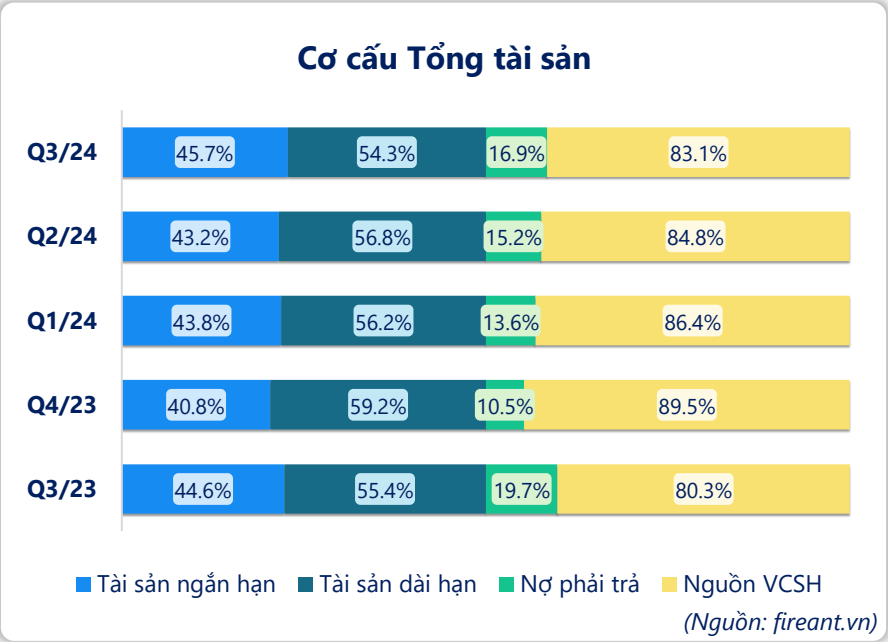
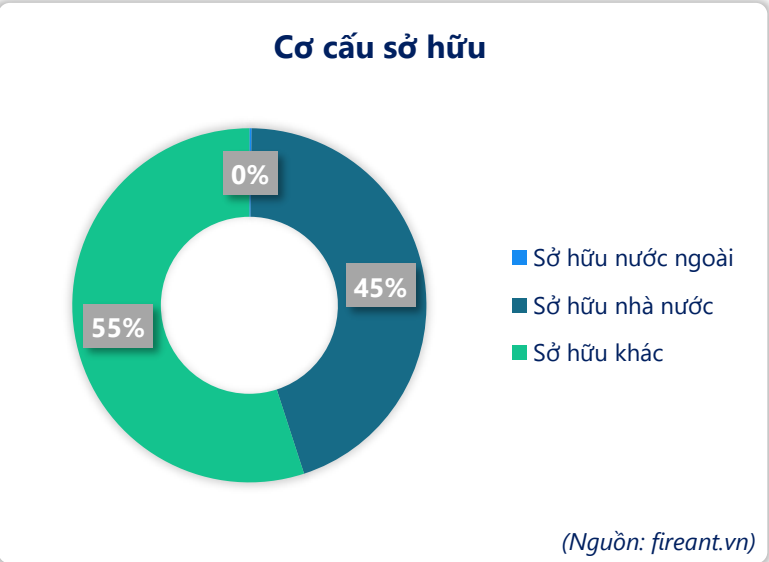
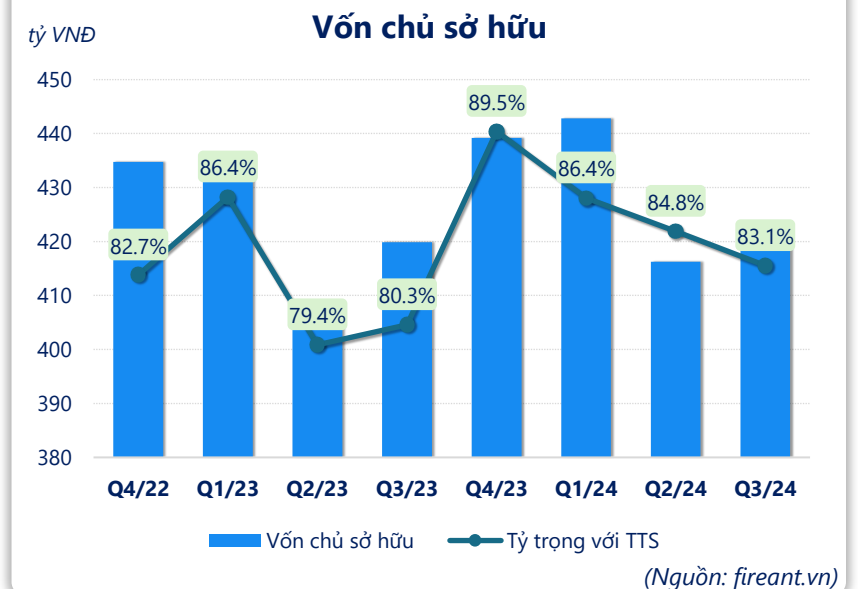
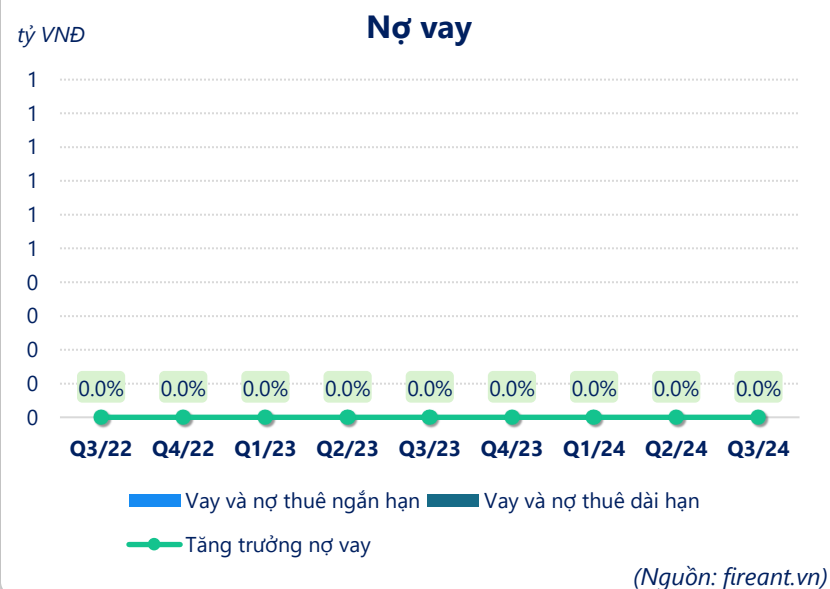
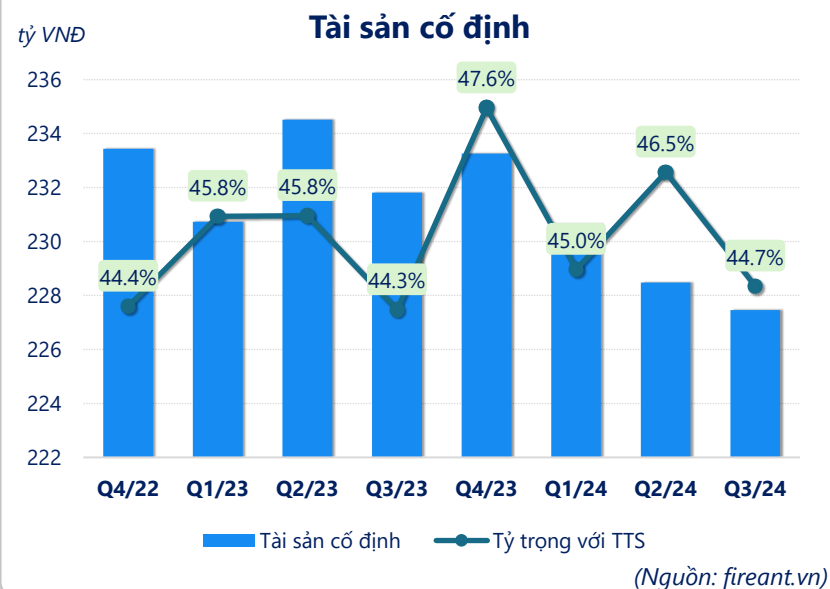
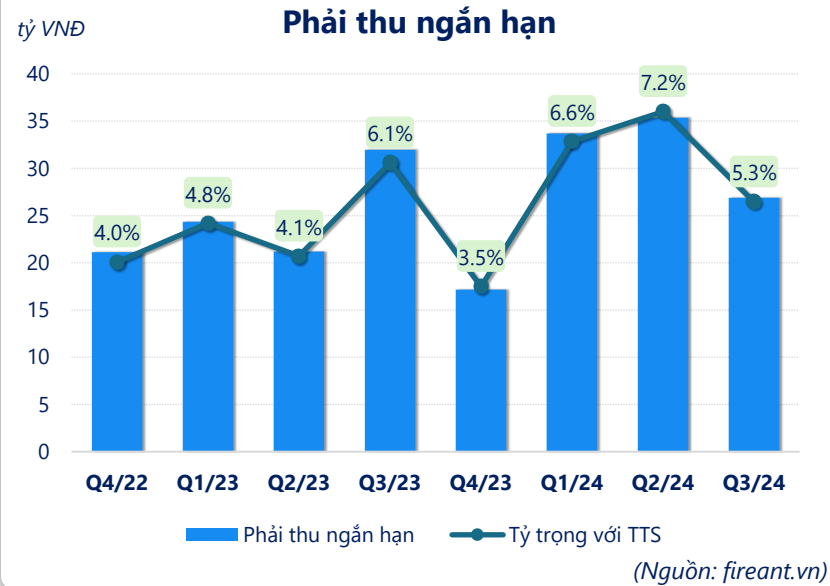
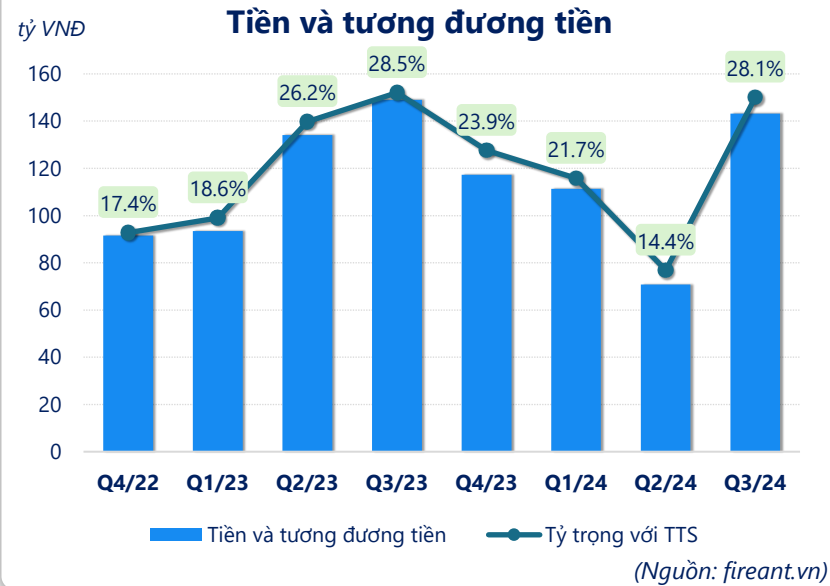
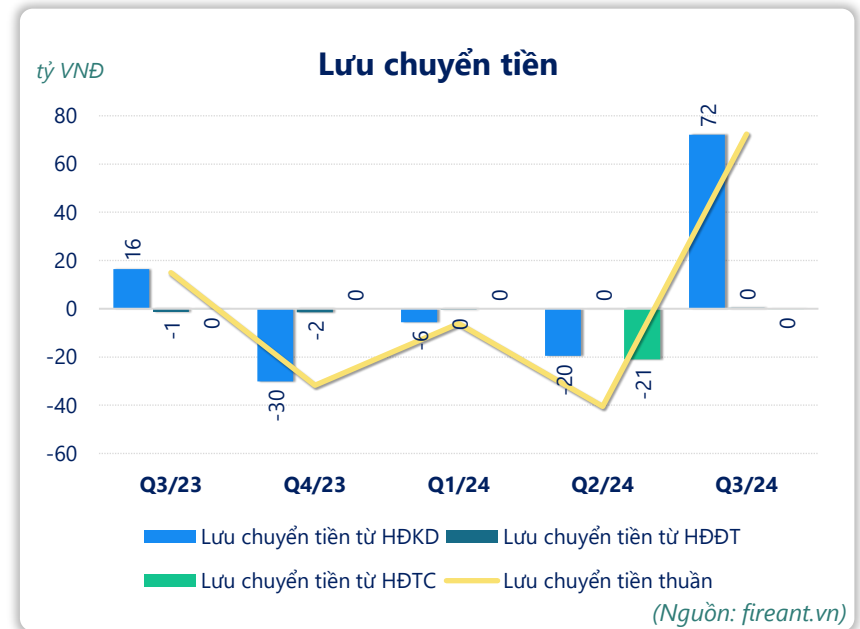
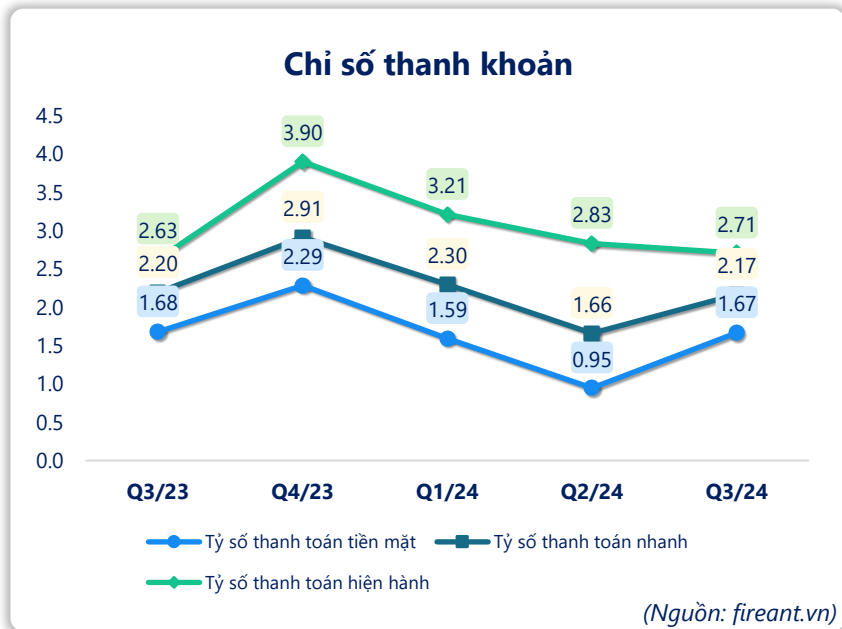
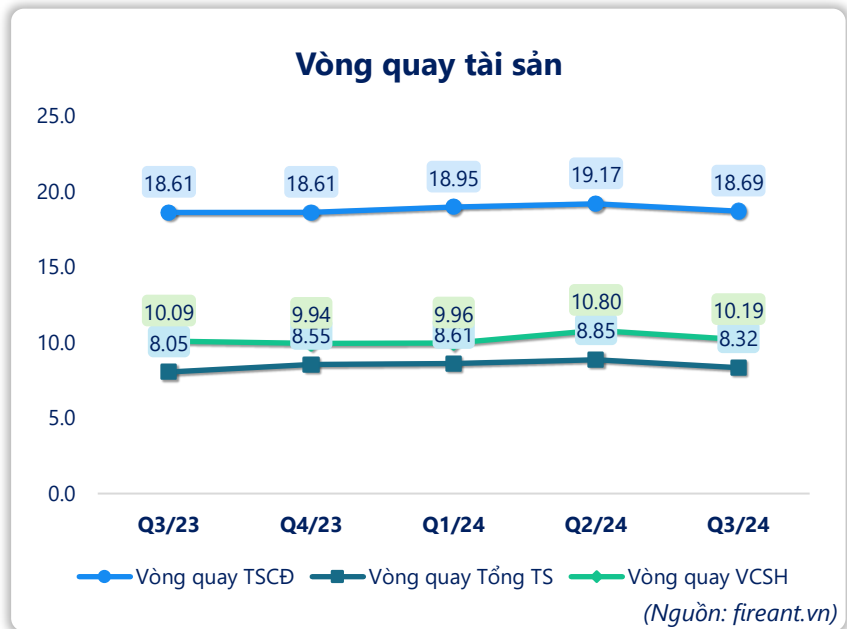
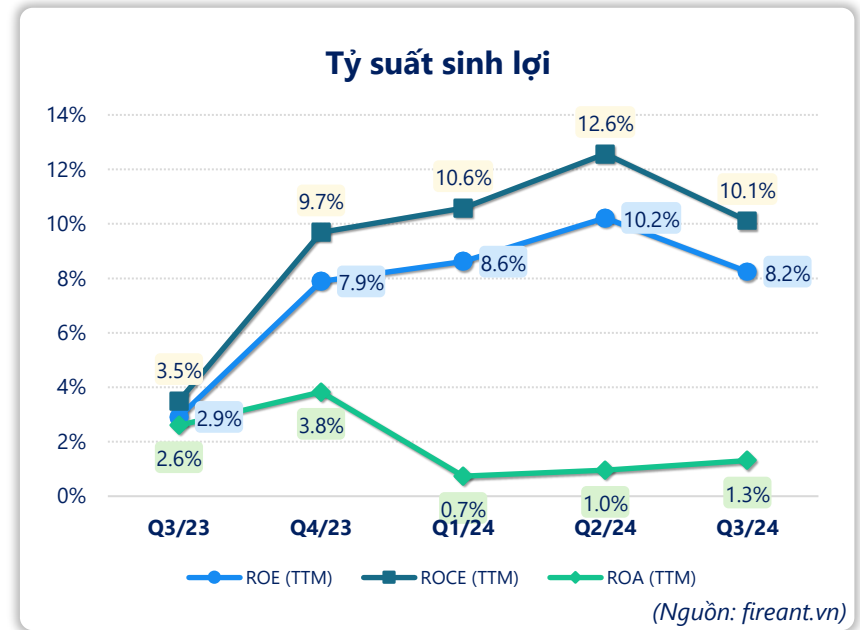
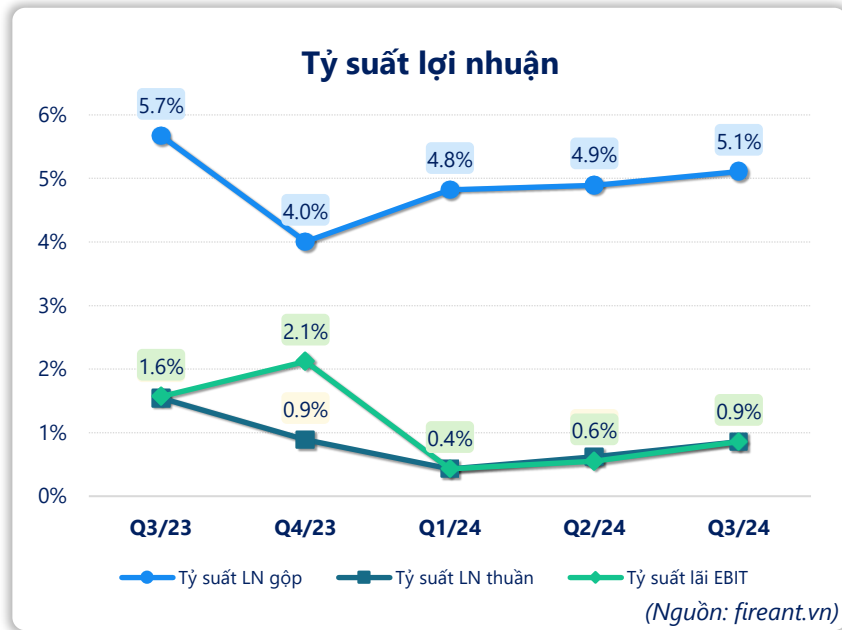
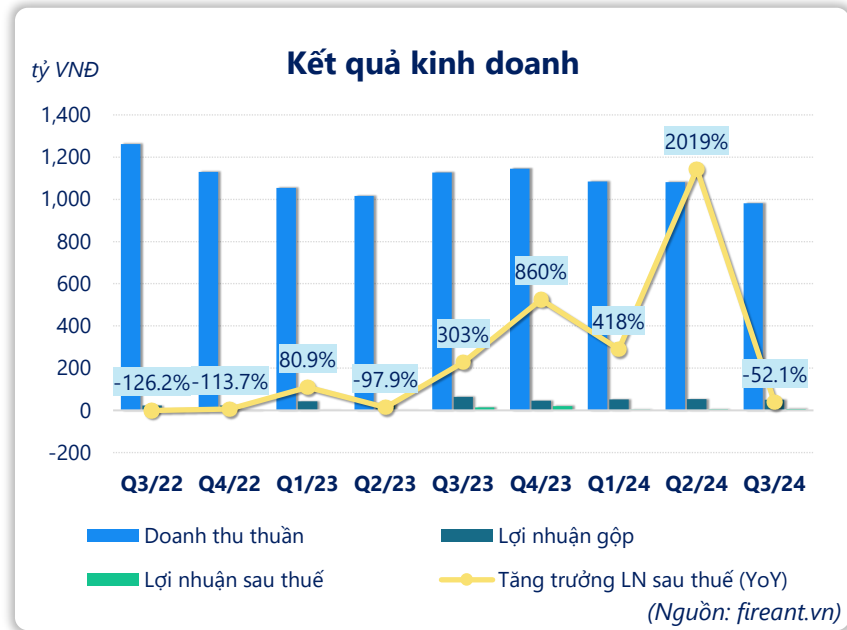


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		29,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		47,366
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,650
SL cổ phiếu LH		14,120,628
KLGD BQ 20 phiên (CP)		555
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		412
P/E		11.9
EPS		2,461

	YTD	1T	3T	6T
COM	-25.9%	1.2%	-10.3%	-12.7%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	509	490	3.8%
Tài sản ngắn hạn	232	200	16.2%
Tiền và tương đương tiền	143	117	22.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.4	12.4	8.6%
Phải thu ngắn hạn	26.9	17.2	56.2%
Hàng tồn kho	46.1	50.6	-8.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.60	2.33	11.6%
Tài sản dài hạn	276	290	-4.8%
Phải thu dài hạn	1.90	1.90	0.0%
Tài sản cố định	227	233	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.68	13.6	-50.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.11	0.73	52.3%
Tài sản dài hạn khác	39.3	40.8	-3.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	85.8	51.0	68.2%
Nợ ngắn hạn	85.8	51.0	68.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.68	2.11	26.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	423	439	-3.7%
Vốn chủ sở hữu	423	439	-3.7%
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	1,127	1,145	1,085	1,082	981
Giá vốn hàng bán	1,063	1,099	1,032	1,029	931
Lợi nhuận gộp	63.9	45.8	52.3	52.9	50.1
Doanh thu HĐTC	0.59	0.69	0.42	1.09	1.11
Chi phí TC	0.07	0.67	0.00	-1.44	0.00
Chi phí lãi vay	0.07	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	41.6	32.8	42.2	43.2	38.2
Chi phí QLDN	5.51	2.95	5.83	5.59	4.62
LN thuần từ HĐKD	17.4	10.1	4.67	6.72	8.41
Lợi nhuận khác	0.21	14.1	0.00	-0.76	0.00
LN trước thuế	17.6	24.3	4.67	5.96	8.41
Lợi nhuận sau thuế	14.0	19.4	3.75	4.82	6.73
LNST của CĐ cty mẹ	14.0	19.4	3.75	4.82	6.73

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.4	-30.2	-5.62	-19.5	72.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.30	-1.52	-0.47	0.05	0.41
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.15	0	0	-21.0	-0.16
Tiền đầu kỳ	134	149	117	111	70.8
Lưu chuyển tiền thuần	15.0	-31.7	-6.09	-40.5	72.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	149	117	111	70.8	143

(Nguồn: fireant.vn)